

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/HNGĐ-PT

Ngày 29-9-2021

V/v: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, ông Đỗ Tuấn Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:* Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc *Xin ly hôn*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 130/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị Th. Sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vì Văn S. Sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Vì Văn S.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị (Tòa không triệu tập): Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn; Anh Tòng Văn S1; anh Vương Đình C1; ông Đỗ Văn N (C2); ông Lò Văn B; Chị Hà Thị D (H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:*

Chị và anh Vĩ Văn S kết hôn với nhau từ năm 1995. Việc kết hôn là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/02/1995 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S uống rượu về là đánh đập vợ, con. Anh S sống không chung thủy với vợ. Việc mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 05.2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vĩ Thị Ngọc T, sinh ngày 20/07/2002. Nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2010 diện tích 60m² và 02 mái tôn cột sắt 01 gắn liền với khoảng 5000m² đất tại Bản H, xã CM, khoảng 843m² đất ruộng, 3000m² đất đồi. Một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 02 giường, 01 bộ tủ kệ tivi, loa, âm ly, 01 máy xát thóc, 01 máy hàn, 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan, 01 máy đầm, 01 máy đầm bê tông, 02 xe máy. Ngoài ra anh S có mượn 01 đôi hoa tai của chị Th nhưng đến nay chưa trả. Nếu ly hôn đề nghị chia những tài sản trên làm 03 phần.

Về nợ chung vợ chồng: Nợ ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 40.000.000đ; nợ anh Tòng Văn S1 số tiền 12.000.000đ để làm nhà; nợ ông Lò Văn B 5.000.000đ; Nợ ông Lò Văn H1 3.000.000đ để trả nợ ngân hàng. Đề nghị Tòa án chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn anh Vĩ Văn S trình bày:

Về quá trình kết hôn, anh và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ tháng 12.1994 có được tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Việc cô Th có cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, anh S không biết có giấy đăng ký kết hôn này nhưng việc hai anh chị kết hôn là có thật.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th không quan tâm khi anh S đang nằm điều trị thoát vị đĩa đệm. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng

6.2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Th về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 60m² nằm trên diện tích đất của bố dượng tên là Tòng Văn H2 đã chết, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tòng Văn Hợp. Đất ruộng khoảng 800m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2019, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM, 01 xe thô, 01 ti vi, 01 máy lọc nước và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nguyên vọng đề nghị Tòa chia đôi số tài sản này. Còn đối với đất là tài sản do bố dượng của anh để lại nên anh không nhất trí chia cho chị Th.

Về nợ chung vợ chồng: Nợ ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 40.000.000đ để làm nhà; nợ ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Nà Sản 100.000.000đ; nợ ông bà CT 12.000.000đ; nợ ông bà NC 25.000.000đ tiền gạo và đồ dùng sinh hoạt của gia đình. Nguyên vọng của anh S nếu chị Th yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà thì đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn trình bày:

Ngày 12/12/2017, gia đình bà Lò Thị Th và ông Vì Văn S có được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn xét duyệt cho vay vốn hộ nghèo, hộ cận nghèo số tiền 40.000.000đ để trồng cà phê. Đến thời điểm ngày 15/4/2021, dư nợ của vợ chồng là 40.000.000đ. Nếu vợ chồng ông S ly hôn, đề nghị Tòa án chia đôi nghĩa vụ trả nợ trên số tiền dư nợ và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn S1 trình bày:

Anh Tòng Văn S1 có mối quan hệ là em trai cùng mẹ khác cha với anh Vì Văn S. Năm 2016, anh Vì Văn S có rủ anh S1 mua chung 01 máy cày tay với giá 28.000.000đ, anh S1 bỏ ra 18.000.000đ, vợ chồng anh S bỏ ra 10.000.000VNĐ để mua, hiện nay anh S1 đang quản lý máy.

Cuối năm 2016, vợ chồng anh S có đến hỏi vay 50.000.000đ để mua giống cây và phân bón. Vì là anh em nên anh S1 đã nhất trí đi vay ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Nà Sản để cho vợ chồng anh S vay. Khi giao tiền có mặt vợ chồng anh S1 và có mặt anh S, chị Th nhưng vì là anh em trong gia đình nên không làm giấy tờ gì, không tính lãi suất nhưng tiền lãi ngân hàng do anh S trả.

Khoảng 02 đến 03 tháng sau, anh S đến nhà anh S1 hỏi vay thêm 50.000.000đ, nói đang thiếu vốn làm ăn. Anh S1 nhất trí và đã tiếp tục vay ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Nà Sản 50.000.000đ để cho anh S vay. Khi đó chỉ có anh S là người nhận tiền, nhận tại nhà anh Tòng Văn T1, địa chỉ: bản Lầu, xã CM, Mai Sơn, không có mặt chị Th. Hai bên không làm giấy tờ, không tính lãi nhưng lãi ngân hàng vẫn do anh S trả.

Cũng vào cuối năm 2016 anh S1 có vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn 30.000.000đ để mua bò nhưng anh S có gọi nói là còn thiếu tiền bán mái tôn nên anh S1 có cho vợ chồng anh S vay 12.000.000đ, khi đưa tiền có mặt cả chị Th, thời điểm này vợ chồng anh S chưa mâu thuẫn.

Nếu anh S chị Th ly hôn, anh S1 sẽ trừ 10.000.000đ tiền góp mua máy cày vào tiền nợ. Số nợ còn lại là 102.000.000đ thì yêu cầu anh S chị Th có trách nhiệm trả cho anh và tiền lãi ngân hàng anh đã đứng ra vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Đình C1 trình bày:

Từ năm 2018 anh Vì Văn S có đến cửa hàng nhà anh mua phân bón, ngày 10/11/2020, anh đã chốt nợ lại cụ thể như sau: Năm 2018 nợ tiền phân 2.000.000đ; năm 2019 nợ tiền phân là 6.775.000đ. Tổng cộng là 8.775.000đ. Lãi suất $8.775.000đ \times 1\% \times 19 \text{ tháng} = 1.667.000đ$. Tổng gốc và lãi là 10.442.000đ. Trường hợp ly hôn, anh S phải có trách nhiệm trả khoản tiền này vì anh S là người trực tiếp mua phân bón. Trường hợp Tòa án triệu tập anh C1 đề nghị giải quyết vắng mặt và xem xét quyền lợi cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Nh và bà Bùi Thị Thanh C2 trình bày:

Từ năm 2017, anh Vì Văn S có đến cửa hàng nhà ông Nh mua phân bón và gạo, cụ thể: Ngày 16/12/2017 nợ 17.450.000đ; Ngày 13/4/2018 nợ tiền gạo là 700.000đ; Ngày 25/8/2018 nợ tiền gạo là 350.000đ. Tổng cộng là 18.500.000đ. Lãi suất đến này là $18.500.000đ \times 1,5\% \times 34 \text{ tháng} = 9.418.000đ$. Như vậy tổng cả gốc và lãi là 27.918.000đ.

Khi đến cửa hàng gia đình ông Nh, anh S là người trực tiếp ký nhận, tuy nhiên thời điểm này vợ chồng anh S vẫn ở với nhau do đó nếu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nghĩa vụ trả nợ chung của cả vợ và chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị D trình bày:

Chị là họ hàng với chị Th. Khoảng năm 2017, anh S đến nhà chị vay số tiền 3.000.000đ để trả cho Ngân hàng chính sách. Khi đưa tiền, chị đưa tiền

trực tiếp cho chị Th và do có quan hệ họ hàng nên chị không làm giấy tờ biên nhận. Nay vợ chồng chị Th anh S ly hôn, chị đề nghị hai vợ chồng phải trả cho chị số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn B trình bày:

Ông là họ hàng với chị Th. Khoảng năm 2016, vợ chồng anh S chị Th đến nhà ông vay số tiền 5.000.000đ để bán mái tôn ở sân nhà. Khi đưa tiền, ông đưa tiền trực tiếp cho anh S và có làm giấy vay nợ do anh S ký tên. Nay vợ chồng chị Th anh S ly hôn, ông đề nghị hai vợ chồng phải trả cho ông số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 130/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021, được sửa đổi bổ sung của Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị Th và anh Vi Văn S.

2. Về con chung: Cháu Vi Thị Ngọc T, sinh ngày 20/07/2002, hiện đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị Th.

3.1. Anh Vi Văn S được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 01 ngôi nhà xây cấp 4 làm năm 2010, diện tích 60m², mái bằng, tường chịu lực 110cm, hiên bê tông; 02 mái tôn cột sắt, nền lát gạch xilamic, 02 mái tôn; 01 mái lợp proximang; 01 nhà bếp gỗ lợp ngói nền xi măng; 01 nhà tắm xây mái đổ bê tông; 01 bể nước xây tường 10 không có nắp; 01 bồn chứa nước bằng inox; 01 bình nóng lạnh hãng ROSSI dung tích 15 lít; 01 xe mô tô Dream; 01 tivi nhãn hiệu Sharp dung tích 165l và số đồ dùng sinh hoạt khác. Tổng giá trị tài sản trên đất là 165.378.000VNĐ.

Anh Vi Văn S được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3.134m² tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 84 ở Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tứ cạnh cụ thể: Phía Bắc giáp phần đất chia cho chị Th, dài 65m; Phía Đông giáp đường dân sinh (đường ngang ra Quốc lộ 6), dài 76m; Phía Tây giáp đất các hộ ông P, ông L, dài 74,8m; giáp đất ông T2 13,1m;

Anh Vì Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 421,5m² tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn S. Tứ cạnh cụ thể:

- + Phía Đông Nam giáp nương nước, dài 8,6m;
- + Phía Tây Nam giáp đất ruộng hộ ông Hà Văn Đ đang sử dụng, dài 40m;
- + Phía Đông Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th1, dài 30,7m + 19,9m;
- + Phía Tây Bắc giáp đất lúa chia cho chị Lò Thị Th, dài 10m.

Tổng giá trị tài sản anh S được nhận là 538.692.500VNĐ.

3.2. Chị Lò Thị Th được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3.134m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 84 tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh cụ thể: Phía Bắc giáp đường dân sinh, dài 35m+28m+46m+26m+8m; Phía Đông giáp đường dân sinh (đường ngang ra Quốc lộ 6), dài 19m; một phần đất chia cho anh S dài 33m; Phía Tây giáp đất hộ ông T2 64,0m;

Chị Lò Thị Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 421,5m² tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn S. Tứ cạnh cụ thể:

- + Phía Đông Nam giáp phần đất chia cho anh Vì Văn S, dài 10m;
- + Phía Tây Nam giáp đất ruộng hộ ông Tòng Văn T3 đang sử dụng, dài 57m;
- + Phía Đông Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th1, dài 56m;
- + Phía Tây Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th2, dài 07m.

Tổng giá trị tài sản chị Th được nhận là 371.314.500VNĐ.

4. Về nợ chung vợ chồng:

4.1. Giao anh Vì Văn S có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung vợ chồng, gồm:

- Nợ ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 20.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh;
- Nợ ông Tòng Văn S1 số tiền 52.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh theo lãi xuất Ngân hàng nông nghiệp;
- Nợ ông Lò Văn B số tiền 5.000.000VNĐ;

- Nợ chị Hà Thị D (H1) số tiền 3.000.000VNĐ.
- Nợ của ông Vương Đình C1 số tiền 10.442.000VNĐ;
- Nợ ông Đỗ Văn Nh (C2) số tiền 27.918.000VNĐ.

4.2. Giao chị Lò Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung sau:

- Nợ ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 20.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh;
- Nợ ông Tòng Văn S1 số tiền 50.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh theo lãi xuất Ngân hàng nông nghiệp;

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 7 năm 2021 bị đơn anh Vì Văn S có đơn, bổ sung kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; phần tài sản chung và nợ chung;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn anh Vì Văn S: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và bổ sung kháng cáo về mối quan hệ hôn nhân không được đi đăng ký. Đối với diện tích 6.269,8 m² thửa đất số 47 ở Bản H, xã CM và diện tích 843m² đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vì Văn S là tài sản riêng được bố dựng cho trước hôn nhân, không nhất trí chia cho chị Th, về diện tích 843m² nhất trí chia làm 3 phần vì có suất của mẹ và chị gái mới; đề nghị chia đôi ngôi nhà và đồ dùng gia dụng trong gia đình. Đề nghị chia đôi tất cả các khoản nợ chung theo quy định của pháp luật. Chia đôi số tiền lãi anh S đã thanh toán cho Ngân hàng chính sách và Ngân hàng nông nghiệp, ông C1, ông Nh trong thời gian sống ly thân tổng số tiền: 28.200.000đ.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn chị Lò Thị Th: Không chấp nhận đơn, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, về số lãi trong thời gian ly thân; anh S đuổi tôi ra khỏi nhà thì anh hưởng hoa lợi cây trồng trên đất và ở nhà thì phải chịu trách nhiệm thanh toán; đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật, và đề nghị: sửa bản án sơ thẩm số 130 của Tòa án huyện Mai Sơn căn cứ nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 điều 308; điều 309 BLTTDS về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn

nhân giữa chị Lò Thị Th và anh Vì Văn S; về đất, tài sản, nợ chung: xác định hình thành trong hôn nhân nên giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của anh S, chị Th thì anh chị chung sống với nhau từ năm 1995 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai anh chị đủ điều kiện kết hôn và là vợ chồng hợp pháp nên đã giải quyết ly hôn cho anh chị.

Tuy nhiên, giấy đăng ký kết hôn mà chị Th cung cấp cho Tòa án không đúng với thông tin về họ tên và năm sinh của anh S; không có sự xác nhận của hai bên, anh S, chị Th cũng thừa nhận không được đi đăng ký kết hôn; quá trình xác minh tại UBND xã CM, xác định: Hiện không còn lưu trữ tài liệu để xác thực về việc đăng ký kết hôn của anh S, chị Th; Hội đồng xét xử xác định: Việc đăng ký là không tuân thủ đầy đủ theo Luật quy định. Căn cứ quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 : Không công nhận quan hệ vợ chồng của anh S, chị Th. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2] Xét kháng cáo của anh Vì Văn S về tài sản chung

[2.1] Xét diện tích đất 6.269,8 m² tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất do ông Tòng Văn H2 là bố nuôi anh S khai phá và cho anh S chị Th khi cùng chung sống vào năm 1995. Anh chị đã sử dụng ổn định từ thời điểm được tặng cho đến nay, không xảy ra tranh chấp, các thành viên trong gia đình cũng không có ý kiến gì về việc cho tặng này. Như vậy, xác định đây là phần tài sản được hình thành trong hôn nhân nên thuộc phần tài sản chung của vợ chồng, cần được xem xét.

[2.2] Xét diện tích đất 843 m² đã được UBND huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CL 374773 ngày 30/9/2017 mang tên Vì Văn S và Lò Thị Th là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh S, chị Th; nên cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 843m² là tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài lời khai, anh S không cung cấp được thêm tài liệu nào khác để chứng minh về việc các diện tích đất trên được tặng cho riêng. Do đó, Tòa án

cấp sơ thẩm xác định hai diện tích đất trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ đúng quy định.

[2.3] Xét ngôi nhà và các đồ dùng trong gia đình

Sau khi ly thân, chị Th ở tại nhà bố mẹ đẻ tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn. Cấp sơ thẩm phân giao cho anh S được sở hữu nhà cùng các đồ dùng trong gia đình là hợp lý, cần chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của anh Vì Văn S về nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng những khoản nợ chung của vợ chồng do những khoản nợ đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và được sử dụng chung bao gồm khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn số tiền 40.000.000đ, nợ ông Tòng Văn S1 số tiền 102.000.000đ, nợ ông Lò Văn B số tiền 5.000.000đ, nợ chị Hà Thị D số tiền 3.000.000đ, nợ ông Vương Đình C1 số tiền 12.000.000đ, nợ ông Đỗ Văn Nh (B) số tiền 27.918.000đ. Do anh S được nhận phần tài sản chung có giá trị lớn hơn chị Th nên phải có trách nhiệm trả nợ nhiều hơn chị Th 48.360.000 là có căn cứ, cần chấp nhận;

Xét kháng cáo của anh S đề nghị chia đôi số tiền lãi 28.200.000 anh S đã thanh toán cho Ngân hàng chính sách và Ngân hàng nông nghiệp, ông C1, ông Nh trong thời gian vợ chồng anh sống ly thân: xác định anh S là người trực tiếp quản lý, hưởng, thu lợi trên đất trong thời gian trên nên anh S có trách nhiệm trả do vậy không xem xét chấp nhận.

[4] Từ sự phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Vì Văn S, sửa bản sơ thẩm số: 130/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Vì Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Vì Văn S, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 130/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị Th và anh Vì Văn S.

2. Về tài sản chung:

2.1. Anh Vì Văn S được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 01 ngôi nhà xây cấp 4 làm năm 2010, diện tích $60m^2$, mái bằng, tường chịu lực 110cm, hiên bê tông; 02 mái tôn cột sắt, nền lát gạch xilamic, 02 mái tôn; 01 mái lợp proximang; 01 nhà bếp gỗ lợp ngói nền xi măng; 01 nhà tắm xây mái đổ bê tông; 01 bể nước xây tường 10 không có nắp; 01 bồn chứa nước bằng inox; 01 bình nóng lạnh hãng ROSSI dung tích 15 lít; 01 xe mô tô Dream; 01 tivi nhãn hiệu Sharp dung tích 165l và số đồ dùng sinh hoạt khác. Tổng giá trị tài sản trên đất là 165.378.000VNĐ.

Anh Vì Văn S được tạm giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất $3.134m^2$ tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 84 ở Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tứ cạnh cụ thể: Phía Bắc giáp phần đất chia cho chị Th, dài 65m; Phía Đông giáp đường dân sinh (đường ngang ra Quốc lộ 6), dài 76m; Phía Tây giáp đất các hộ ông Ph, ông L, dài 74,8m; giáp đất ông T2 13,1m;

Anh Vì Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất $421,5m^2$ tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn S. Tứ cạnh cụ thể:

- + Phía Đông Nam giáp nương nước, dài 8,6m;
- + Phía Tây Nam giáp đất ruộng hộ ông Hà Văn Đ đang sử dụng, dài 40m;
- + Phía Đông Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th1, dài 30,7m + 19,9m;
- + Phía Tây Bắc giáp đất lúa chia cho chị Lò Thị Th, dài 10m.

Tổng giá trị tài sản anh S được nhận là 538.692.500VNĐ.

2.2. Chị Lò Thị Th được tạm giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất $3.134m^2$ thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 84 tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh cụ thể: Phía Bắc giáp đường dân sinh, dài 35m+28m+46m+26m+8m; Phía Đông giáp đường dân sinh (đường ngang ra Quốc lộ 6), dài 19m; một phần đất chia cho anh S dài 33m; Phía Tây giáp đất hộ ông T2 64,0m;

Chị Lò Thị Th được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất $421,5m^2$ tại Bản H, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn S. Tứ cạnh cụ thể:

- + Phía Đông Nam giáp phần đất chia cho anh Vì Văn S, dài 10m;

+ Phía Tây Nam giáp đất ruộng hộ ông Tòng Văn T1 đang sử dụng, dài 57m;

+ Phía Đông Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th1, dài 56m;

+ Phía Tây Bắc giáp đất lúa hộ ông Hà Văn Th2, dài 07m.

Tổng giá trị tài sản chi Th được nhận là 371.314.500VNĐ.

Đối với phần đất được phân chia, các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung:

3.1. Giao anh Vi Văn S có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung vợ chồng, gồm:

- Trả ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 20.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh;

- Trả ông Tòng Văn S1 số tiền 52.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh .

- Trả ông Lò Văn B số tiền 5.000.000VNĐ;

- Trả chị Hà Thị D số tiền 3.000.000VNĐ.

- Trả của ông Vương Đình C1 số tiền 10.442.000VNĐ;

- Trả ông Đỗ Văn Nh (C2) số tiền 27.918.000VNĐ.

3.2. Giao chị Lò Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung sau:

- Trả ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn số tiền 20.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh;

- Trả ông Tòng Văn S1 số tiền 50.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh theo lãi xuất Ngân hàng nông nghiệp;

2. Về án phí: Trả lại cho anh Vi Văn S số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0003129 ngày 12/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2021).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- UBND xã CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan

